

Số: 1011/QĐ-VKS-VP

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-VKS-VP ngày 21/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023 cho các đơn vị trong ngành kiểm sát Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-VKS-VP ngày 29/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023 cho các đơn vị trong ngành kiểm sát Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa để thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ (theo phụ lục đính kèm).

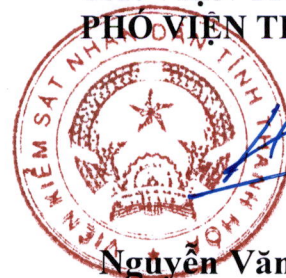
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho năm ngân sách 2023.

Điều 3. Kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trong ngành kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục 3;
- Đ/c VT VKSND tỉnh (b/c);
- Như Điều 1;
- Lưu KT, VP.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Huyền

CÔNG KHAI BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023
ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG THEO NGHỊ ĐỊNH 24/2023/NĐ-CP
(Kèm theo Quyết định số 09/QĐ-VKS-VP ngày 29/11/2023)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	CẤP DỰ TOÁN	QĐ GIAO DỰ TOÁN		MÃ LOẠI DỰ TOÁN	TÀI KHOẢN KT	MÃ CẤP NS	MÃ ĐƠN VỊ QUAN HỆ NS	MÃ CHƯƠNG NG	MÃ NGÀNH KT	MA CT MT, DA	MÃ KBNN	MÃ NGU ỒN NS	SỐ TIỀN	
			SỐ	NGÀY										NỢ	CÓ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	CHI NSNN														
	VKS Tối cao	Cấp 2	137	21/11		9323	1	1052924	00 4	341		1360	14		6.098.300.000
1	VP viện tỉnh	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1052980	00 4	341		1361	14	1.962.060.000	
2	Sầm Sơn	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1052988	00 4	341		1362	14	163.810.000	
3	Bỉm Sơn	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051040	00 4	341		1363	14	145.890.000	
4	Đông Sơn	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051073	00 4	341		1361	14	122.900.000	
5	Nông Cống	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051070	00 4	341		1365	14	158.450.000	
6	Quảng Xương	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051069	00 4	341		1366	14	164.670.000	
7	Như Xuân	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1050957	00 4	341		1367	14	121.920.000	
8	Thọ Xuân	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051067	00 4	341		1368	14	154.390.000	
9	Yên Định	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1050958	00 4	341		1369	14	146.500.000	
10	Nghi Sơn	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1052923	00 4	341		1370	14	183.000.000	
11	Nga Sơn	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051071	00 4	341		1371	14	139.180.000	
12	Cẩm Thủy	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051042	00 4	341		1372	14	164.750.000	
13	Thạch Thành	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051038	00 4	341		1373	14	145.960.000	
14	Vĩnh Lộc	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1050953	00 4	341		1374	14	133.930.000	
15	Lang Chánh	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051043	00 4	341		1375	14	122.850.000	

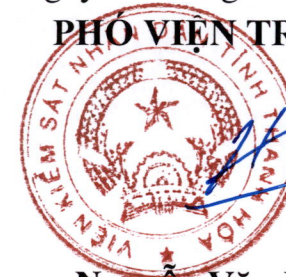
16	Ngọc Lạc	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051039	00 4	341		1376	14	126.910.000	
17	Thường Xuân	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1050956	00 4	341		1377	14	114.020.000	
18	Bá Thước	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051041	00 4	341		1378	14	173.570.000	
19	Triệu Sơn	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1052800	00 4	341		1379	14	152.100.000	
20	Hoàng Hoá	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051072	00 4	341		1380	14	176.070.000	
21	Hậu Lộc	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051068	004	341		1381	14	167.290.000	
22	Hà Trung	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1050954	004	341		1382	14	134.720.000	
23	Quan Hoá	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1052990	004	341		1383	14	106.280.000	
24	Quan Sơn	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1052985	004	341		1384	14	105.120.000	
25	Như Thanh	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1051044	004	341		1385	14	98.120.000	
26	Thiệu Hoá	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1050955	004	341		1386	14	127.080.000	
27	Thành Phố	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1082776	004	341		1361	14	420.840.000	
28	Mường Lát	Cấp 4	9	29/11	0 1	9523	1	1052989	004	341		1388	14	165.920.000	

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Mai

Ngày 29 tháng 11 năm 2023

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Huyền